

SỞ GD&ĐT VINH PHÚC
ĐỀ CHÍNH THỨC

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2011 – 2012
ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (2,0 điểm). Cho đoạn văn:

“... Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội”.

(Ngữ văn 9, Tập 2, NXBGD – 2006)

- Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Của ai?
- Câu chủ đề của đoạn văn trên nằm ở vị trí nào?
- Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết nào là chủ yếu?
- Từ được in đậm trong câu “Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.” là thành phần biệt lập gì?

Câu 2 (3,0 điểm).

Trong tác phẩm *Truyện Kiều*, Nguyễn Du viết:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.*

- Chép chính xác 6 câu thơ tiếp theo hai câu thơ trên.
- Những câu thơ vừa chép nằm trong đoạn trích nào của *Truyện Kiều*? Nêu ngắn gọn giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích đó.
- Em hiểu từ “*chén đồng*” trong đoạn thơ trên như thế nào?

Câu 3 (5,0 điểm).

Cảm nhận của em về tình cảm của nhân vật ông Sáu dành cho con trong trích đoạn *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

— Hết —

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm!

Họ và tên thí sinh..... Số báo danh.....

SỞ GD&ĐT VINH PHÚC

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2011 - 2012

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: NGỮ VĂN

(Đáp án có 03 trang)

Câu 1 (2,0 điểm).

- | | | |
|----|---|-------|
| a. | Đoạn văn được trích từ văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” của tác giả Vũ Khoan. | 0,5 đ |
| b. | Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn. | 0,5 đ |
| c. | Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết chủ yếu là: phép lặp. | 0,5 đ |
| d. | Có lẽ là thành phần biệt lập tình thái trong câu. | 0,5 đ |

Câu 2 (3,0 điểm).

- a. Chép tiếp 6 câu thơ (1,0 điểm):

*Bên trời góc bể bơ vơ,
Tám son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi góc tử đã vừa người ôm.*

* Cho điểm:

- Chép đúng (không kể dấu câu):
 - + Đúng cả 6 câu: 0,75 điểm.
 - + Đúng 4 – 5 câu: 0,5 điểm.
 - + Đúng 2 – 3 câu: 0,25 điểm.
- Dấu câu:
 - + Đúng 4 dấu câu trở lên: 0,25 điểm.
 - + Sai hoặc thiếu từ 3 dấu câu trở lên: không cho điểm.

- b. (1,5 điểm).

- Những câu thơ trên nằm trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”. (0,5 điểm).

- Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:

+ Về nội dung (0,5 điểm):

Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.

+ Về nghệ thuật (0,5 điểm):

Nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

- c. (0,5 điểm).

Chén đồng: Chén rượu thề nguyện cùng lòng cùng dạ (đồng tâm) với nhau.

Lưu ý: Thí sinh có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đúng tinh thần thì vẫn cho điểm tối đa.

Câu 3 (5,0 điểm).

*** Yêu cầu về kỹ năng**

Thí sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài; biết cách làm bài văn nghị luận văn học; bố cục ba phần rõ ràng; lập luận chặt chẽ, mạch lạc; dẫn chứng phong phú, tiêu biểu; không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; khuyến khích những bài viết sáng tạo.

*** Yêu cầu về kiến thức**

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở nắm chắc tác phẩm, không suy diễn tùy tiện. Bài viết phải làm nổi bật được tình yêu con sâu nặng của nhân vật ông Sáu trong tác phẩm *Chiếc lược ngà*. Cụ thể cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

- *Tình cảm của ông Sáu dành cho con trong 3 ngày phép:*

+ *Tình huống:* Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách nhưng thật trở trêu là bé Thu lại không chịu nhận ông là cha. Đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi.

+ *Nỗi nhớ cồn cào mãnh liệt thúc ông Sáu về thăm con.* Gặp con, cảm xúc hồi hộp, vui sướng trào dâng trong lòng ông. Nhưng vừa gặp, bé Thu đã hoảng sợ bỏ chạy khiến ông hụt hẫng “... *mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy*”.

+ *Trong 3 ngày ở nhà, ông Sáu dành cho con tình cảm sâu sắc và mong chờ tiếng gọi “ba” của con bé.* Nhưng bé Thu bướng bỉnh không chịu nhận ba khiến ông rất đau khổ. “*Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.*”

+ *Trong bữa ăn, ông gấp thức ăn cho Thu “miếng trứng cá to vàng để vào chén nó”* thể hiện tình yêu thương, chăm chút, muốn bù đắp cho con. Khi con bé hất bỏ miếng trứng cá, ông Sáu rất tức giận đánh vào mông nó một cái và hét lên: “*Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?*”

+ *Khi bé Thu nhận ông là ba, ông sung sướng, nghẹn ngào đến trào nước mắt.*

- *Trong những ngày ở khu căn cứ:*

+ *Sau buổi chia tay con, ông Sáu luôn nhớ con da diết xen lẫn với sự ân hận vì đã đánh mắng con.*

+ Thái độ vui mừng, sung sướng “*Mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà*” khi nhận được khúc gỗ voi, vì ông sẽ thực hiện được tâm nguyện làm cây lược cho con như đã hứa.

+ Ông Sáu làm cây lược với tất cả sự công phu, kĩ lưỡng, khéo léo. Việc làm đó vừa làm dịu đi nỗi nhớ thương, ân hận vì đã đánh con vừa đốt cháy thêm khao khát được gặp con. “*Có cây lược, anh càng mong gặp lại con*”.

+ Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp trao tận tay món quà cho con gái, nhưng ánh mắt ông, cái nhìn “*không đủ lời lẽ để tả lại*” của ông đã nói lên tất cả tình yêu ông dành cho con.

- *Đánh giá:*

+ Đó là tình cảm cao đẹp, sâu nặng, cảm động trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua đó người đọc thấm thía những mất mát không gì bù đắp được của con người Việt Nam trong chiến tranh vừa trân trọng tình cảm cao đẹp trong tâm hồn họ.

+ Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất, tạo tình huống độc đáo, đặc biệt thành công trong việc miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật góp phần thể hiện chân thực, cảm động tình cảm cao đẹp đó.

*** Thang điểm:**

Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ những yêu cầu nêu trên, văn viết có cảm xúc, diễn đạt tốt, dẫn chứng chọn lọc, phong phú. Có thể mắc một vài sai sót nhỏ.

Điểm 4: Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu nêu trên, diễn đạt lưu loát, bố cục rõ ràng, dẫn chứng hợp lí. Có thể mắc một số lỗi chính tả, dùng từ.

Điểm 3 : Đáp ứng được khoảng nửa số ý, diễn đạt được, làm rõ trọng tâm. Có thể mắc một số lỗi.

Điểm 1, 2 : Nắm chưa chắc tác phẩm, dẫn chứng nghèo nàn. Bố cục lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

Điểm 0 : Không hiểu đề, sai lạc cả nội dung và phương pháp.

Các điểm còn lại giám khảo tự cân nhắc.

Lưu ý:

- Phần mở bài và phần kết bài cho điểm tối đa là 1,0 điểm.

- Tổng điểm phần thân bài là 4,0 điểm.

- Việc chi tiết hoá điểm số trong phần thân bài được thống nhất trong hội đồng chấm.

- Điểm của bài thi là tổng điểm các câu cộng lại; cho điểm từ 0 đến 10.

- Điểm lẻ làm tròn tính đến 0,25 điểm .

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÁI BÌNH KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2011-2012

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

Câu 1. (2,0 điểm)

Chỉ ra các phép liên kết và những từ ngữ dùng để liên kết câu trong đoạn văn sau:

“Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.”

(Nguyễn Đình Thi - “Tiếng nói của văn nghệ”, SGK Ngữ văn 9, Tập hai - NXB Giáo dục - 2009)

Câu 2. (3,0 điểm)

Bằng kiến thức đã được học, em hãy viết bài thuyết minh (khoảng 300 từ) về tác giả Bằng Việt và bài thơ “Bếp lửa”.

Câu 3. (5,0 điểm)

Hãy phân tích nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng (phần trích trong SGK Ngữ văn 9, Tập một - NXB Giáo dục) để thấy được tình cảm sâu nặng mà người cha dành cho con.

--- HẾT ---

(Gồm 03 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Do đặc trưng bộ môn, giám khảo cần vận dụng biểu điểm một cách linh hoạt, chủ động; khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo, diễn đạt tốt.
- Không hạ thấp yêu cầu của biểu điểm.
- Điểm bài thi là tổng điểm thành phần (có thể lẻ đến 0,25 điểm), không làm tròn.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1. (2 điểm)

Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
1. Các phép liên kết	- Phép lặp từ ngữ	0,25đ
	- Phép dùng từ ngữ đồng nghĩa, cùng trường liên tưởng	0,25đ
	- Phép thế	0,25đ
	- Phép nối	0,25đ
2. Từ ngữ dùng để liên kết câu	- Trong phép lặp: <i>tác phẩm</i>	0,25đ
	- Trong phép dùng từ ngữ đồng nghĩa, cùng trường liên tưởng: (những vật liệu mượn ở thực tại) <i>cái đã có rồi</i> ; (tác phẩm) <i>nghệ sĩ</i>	0,25đ
	- Trong phép thế: <i>Anh</i>	0,25đ
	- Trong phép nối: <i>Nhưng</i>	0,25đ

Câu 2. (3 điểm)

I. Yêu cầu chung:

- Học sinh biết viết một bài văn thuyết minh.
- Bố cục rõ ràng, chữ viết đủ nét, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt.

II. Yêu cầu cụ thể và cách cho điểm:

Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau, nhưng bài viết cần có các ý cơ bản sau:

Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
1.	Giới thiệu chung về đối tượng thuyết minh: tác giả Bằng Việt và bài thơ “ <i>Bếp lửa</i> ”.	0,25đ
2.	Thuyết minh về tác giả:	0,75đ
	- Tên khai sinh: Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).	0,25đ

Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
	- Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60, thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.	0,25đ
	- Hiện nay ông là Chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội.	0,25đ
3.	Thuyết minh về bài thơ “ <i>Bếp lửa</i> ”:	1,75đ
	- Xuất xứ: Sáng tác năm 1963, khi tác giả đang học ở nước ngoài, sau được đưa vào tập “ <i>Hương cây - Bếp lửa</i> ”.	0,25đ
	- Mạch cảm xúc của bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm. - Bố cục: + Khổ 1: hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng về bà + 4 khổ tiếp: hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà và hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa + Khổ 6: suy ngẫm về bà và cuộc đời bà + Khổ cuối: nỗi nhớ bà khôn nguôi của người cháu đã trưởng thành	0,25đ
	- <i>Giá trị nội dung</i> : Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu (...), đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước (...).	0,75đ
	- <i>Giá trị nghệ thuật</i> : Bài thơ đã kết hợp hài hoà nhiều phương thức biểu đạt (...), sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng (...),...	0,5đ
4.	<i>Đánh giá chung</i> :	0,25đ
	“ <i>Bếp lửa</i> ” là bài thơ hay, xúc động về tình bà cháu, bồi dưỡng cho người đọc tình yêu đối với gia đình, quê hương, đất nước.	

Câu 3. (5,0 điểm)

I. Yêu cầu chung:

- Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (kiểu bài phân tích nhân vật). Qua phân tích biết khái quát, đánh giá ý nghĩa tư tưởng, giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

- Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và diễn đạt.

II. Yêu cầu cụ thể và cách cho điểm:

Trên cơ sở hiểu biết về tác giả Nguyễn Quang Sáng và truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*” (phần trích trong SGK Ngữ văn 9, Tập một), học sinh có thể có

nhiều cách sắp xếp ý và diễn đạt khác nhau nhưng cần phải hướng đến các ý cơ bản sau:

Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
1.	Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Quang Sáng, truyện ngắn “Chiếc lược ngà”, nhân vật ông Sáu - người cha yêu thương con sâu nặng.	0,5đ
2.	Phân tích nhân vật ông Sáu để thấy được tình yêu thương sâu nặng mà người cha dành cho con. Học sinh cần bám vào tình huống truyện, chọn chi tiết nghệ thuật đặc sắc để làm rõ điều đó.	3,5đ
	* Tình cảm của ông Sáu với con trong những ngày ông được nghỉ phép:	1,0đ
	+ Sau tám năm xa cách, khi được nghỉ phép về thăm nhà, ông vội vấp đến với con (...).	0,25đ
	+ Những ngày nghỉ phép, ông tìm mọi cách để gần con, quá nóng ruột, không kìm được mình, ông đánh con (...). Giây phút chia tay, được nghe con gọi “ba”, ông sung sướng, xúc động nghẹn ngào không cầm được nước mắt (...).	0,75đ
	* Tình cảm của ông Sáu với con được thể hiện tập trung và sâu sắc ở phần sau của truyện, khi ông Sáu ở trong rừng, tại khu căn cứ:	2,5đ
	+ Ông luôn day dứt, ân hận đã đánh con khi nóng giận. Lời dặn của con lúc chia tay: “Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba!” đã thúc đẩy ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà dành cho con.	0,5đ
	+ Khi kiếm được một khúc ngà, ông đã vô cùng vui sướng, rồi dành hết tâm lực vào việc làm cây lược (“Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc”, “Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”). Chiếc lược ngà đã thành một vật quý giá, thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha với đứa con xa cách.	1,5đ
	+ Bị thương nặng trong một trận càn của địch, trước khi nhắm mắt, ông cố sức lấy chiếc lược, nhờ đồng đội trao lại cho con gái (“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu”). Đến phút cuối của cuộc đời, người cha ấy vẫn chỉ nghĩ đến con, dành trọn vẹn tình cảm cho con. ⇒ Như vậy thường trực, đau đáu trong cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, hành động, cử chỉ của ông Sáu từ khi được gặp con đến khi vĩnh biệt cuộc đời là hình ảnh đứa con yêu dấu.	0,5đ

Ý	<i>Nội dung cần đạt</i>	<i>Điểm</i>
3.	<i>Đánh giá chung:</i>	1,0đ
	+ Bằng ngòi bút nghệ thuật tinh tế, đậm chất Nam Bộ, Nguyễn Quang Sáng đã xây dựng thành công nhân vật ông Sáu. Tác giả để nhân vật này hiện lên qua lời kể mộc mạc, chân thật của người kể chuyện là ông Ba (bạn thân của ông Sáu); đặt nhân vật vào tình huống bất ngờ nhưng tự nhiên, hợp lí; miêu tả tâm lí, tình cảm nhân vật sâu sắc; sáng tạo hình ảnh chiếc lược ngà mang nhiều ý nghĩa.	0,5đ
	+ Nhân vật ông Sáu đã góp phần thể hiện sâu sắc tư tưởng chủ đề của truyện. Qua nhân vật này, nhà văn đã khẳng định và ngợi ca tình phụ tử thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy là cội nguồn sức mạnh giúp dân tộc ta vượt lên sự huỷ diệt tàn bạo của chiến tranh, chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.	0,5đ

**SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
NAM ĐỊNH**

**ĐỀ TUYỂN SINH VÀO 10 THPT
Môn: NGỮ VĂN**

ĐỀ CHÍNH THỨC

*(Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề)
Đề thi gồm 01 trang.*

Phần I: Trắc nghiệm khách quan: Hãy chọn phương án đúng viết lại vào tờ giấy làm bài

Câu 1: Viết "Truyện Kiều", tác giả đã dựa vào cốt truyện nào?

- A. Truyền kỳ mạn lục
B. Kim Vân Kiều truyện
C. Hoàng lê nhất thống chí
D. Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

Câu 2: Qua đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga", em thấy Kiều Nguyệt Nga có những phẩm chất gì?

- A. Hiền hậu, nét na, ân tình
B. Tài ba, chính trực, hào hiệp
C. Tài ba, khoan dung độ lượng
D. Tài ba dũng cảm, trọng nghĩa.

Câu 3: Xung đột cơ bản trong hồi 4 vở kịch "Bắc Sơn" của Nguyễn Huy Tưởng là:

- A. Xung đột cha - con
B. Xung đột vợ - chồng
C. Xung đột hàng xóm láng giềng
D. Xung đột cách mạng - phản cách mạng.

Câu 4: Nguyễn Đình Thi viết văn bản "Tiếng nói của văn nghệ" vào thời kỳ nào?

- A. Thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.
B. Thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ.
C. Thời kỳ miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
D. Thời kỳ đất nước hoàn toàn thống nhất.

Câu 5: Câu thơ "Cá thu biển Đông như đoàn thoi" ("Đoàn thuyền đánh cá" - Huy Cận) sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nhân hoá
B. Hoán dụ
C. Ẩn dụ
D. So sánh

Câu 6: Ký ức đầu tiên của người cháu trong bài thơ "Bếp lửa" - Bằng Việt là gì?

- A. Hình ảnh người bà kính yêu.
B. Hình ảnh bếp lửa.
C. Hình ảnh bố mẹ.
D. Hình ảnh tổ quốc.

Câu 7: Chỉ rõ từ láy trong các từ sau?

- A. Xanh biếc
B. Xanh thắm.
C. Xanh xanh
D. Xanh ngắt.

Câu 8: Tìm câu văn sử dụng khởi ngữ

- A. Tôi cũng giàu rồi.
B. Giàu, tôi cũng giàu rồi
C. Anh học giỏi môn toán
D. Em là học sinh tiên tiến.

II. Phần tự luận: (8 điểm)

Câu 1: (1 điểm): Tìm câu văn chứa hàm ý trong đoạn trích dưới đây và cho biết nội dung của hàm ý?

" Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

- Cháu phải gọi "Ba chất nước dùm con", phải nói như vậy?.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:

- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!

Anh Sáu cứ vẫn ngồi im."

("Chiếc lược ngà" - Nguyễn Quang

Sáng")

Câu 2: (2điểm): Trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

" Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục"

("Nói với con" - Y Phương)

Câu 3: (5điểm): Phân tích các nhân vật Thao, Nho trong tác phẩm "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê (Ngữ văn 9, nhà xuất bản giáo dục - 2008)

HẾT

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Giám thị số 1: Giám thị số 2:

Sở GD-ĐT Nam Định

Hướng dẫn chấm thi TS vào lớp 10 THPT- Năm

2011

Môn: Ngữ văn.

Tổng bài 10 điểm, phần chia cho mỗi câu như sau:

Phần I: Trả lời câu hỏi (2,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Số điểm	B	A	D	A	D	B	C	B

Trả lời đúng mỗi câu cho 0,25 điểm; trả lời sai không cho điểm.

Phần II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	Tìm câu chứa hàm ý trong đoạn văn: "Tôi lặng tiếng ngại im" ("Chiếc lược ngà" - NQS) và nêu nội dung của hàm ý.	1,0
	1. Câu chứa hàm ý: "Tôi ngại im, nhỡ bạn cười!"	0,5
	2. Nội dung hàm ý: - Bà Thu muốn nhắc ông Sáu chú ý thái độ của mình, nhắc ông Sáu đừng nên im lặng quá lâu. - Bà Thu nhắc ông Sáu đừng nên cười quá lâu.	0,5

	trúc tiÕp.	
Câu 2	Tr×nh buy c¶m nhËn vÒ hai c©u th¬ “ Ng-êi ®ång m×nh ... phong tc” (“Nãi vi con”- Y Ph--ng)	2,0
	<p>1. VÒ néi dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Ng-êi ®ång m×nh” lµ nh÷ng ng-êi “tù ®c ®, k^a cao qu^a h--ng”, lao ®éng c¶n ci, khng li b-c tr-c kh kh"n gian khæ; tù lúc, tù c-êng x©y dùng qu^a h--ng b»ng chÝnh sc lúc vµ sù bn b ca m×nh (c©u 1). - H lµ nh÷ng ng-êi s,ng t'o vµ l-u truyÒn phong, tc tËp qu,n tèt ®Ñp ri^ang ca dn tc m×nh vµ lËy qu^a h--ng lµm ch da cho tm hn. - Nãi vi con nh-ng ®iÒu tr^an, ng-êi cha muèn nãi c«n hiu ®-c phÈm chÊ cao ®Ñp ca “ ng-êi ®ång m×nh” ®Ó tù ho vÒ qu^a h--ng, dn tc vµ muèn con k tc truyÒn thng Êy. 	1,5
	<p>2. VÒ nghÖ thuËt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lêi th¬ méc m'c, chn chÊt ®Èm ®µ b¶n sc dn tc: “Ng-êi ®ång m×nh” lµ c, ch ni ri^ang méc m'c mang tÝnh ®a ph--ng ca ng-êi Tuy ®Ó m ®Çu cho hai c©u th¬ tr^an . -H×nh ¶nh trong c, c c©u th¬ c th m kh, i qu, t, méc m'c m giu chÊt th¬, ti^au biu cho c, ch t- duy giu h×nh ¶nh ca ng-êi miÒn ni 	0,5
Câu 3	Phn tÝch c, c nhn vËt Thao vµ Nho trong ®n trÝch “ Nh÷ng ng«i sao xa x«i” ca L ^a Minh Khu ^a . HS c th chn b cc vµ din ®'t s,ng t'o nh-ng ph¶i ®'t ®-c nh÷ng y ^a u cÇu c¬ b¶n sau:	5,0
	<p>I. M bi :</p> <p>Gii thiu t, c gi¶, t, c phÈm vµ nhn vËt</p> <ul style="list-style-type: none"> - T, c gi¶: LMK lµ nh v"n tr-êng thnh trong thi k× kh, ng chin chng MÛ. Nh÷ng t, c phÈm ®Çu tay ca ch vit vÒ cuc sng chin ®Èu ca thanh ni^an xung phong vµ bé ®i  tuyn ®-êng TS - T, c phÈm: “ Nh÷ng ng«i sao xa x«i” lµ t, c phÈm ®Çu tay ca LMK, vit n"m 1971. - Nhn vËt: Tuy khng ph¶i lµ nhn vËt 	0,5

	<p>chính trong t,c phêm nh-ng Thao vụ Nho ®. ®Ó l¹i nh÷ng Ên t-îng khã phai víi nh÷ng phêm chÊt cao ®Ñp.</p>	
	<p>II. Thôn bùi:</p>	<p>4,0</p>
	<p>1. Họp c¶nh sêng vụ chiÕn ®Êu (1,0 ®iÓm) a) NhiÖm vô ®-íc giao: (0,75 ®iÓm) -Thao vụ Nho cïng Ph--ng S¶nh lùm thụng mét tæ lùm nhiÖm vô "trinh s,t mÆt ®--ng". Hä lụ nh÷ng c« g,i thanh ni^an xung phong sêng vụ chiÕn ®Êu tr^an mét cao ®iÓm cña tuyÖn ®-êng TS. S©y lụ n-i tËp trung bom ®¹n vụ sù hiÓm nguy ,c liÖt. Hä ph¶i gi÷a ban nguy, ph-i m×nh gi-a vïng trãng ®iÓm ®,nh ph, cña m,y bay ®Pch. - Sau mçi trËn bom, c,c chP ph¶i ch¹y tr^an cao ®iÓm, ®o vụ -íc tÝnh khèi l-îng ®Êt ®, bP bom ®Pch ®uo xii, ®Öm nh÷ng qu¶ bom ch-a næ vụ dïng m×n ®Ó ph, bom: " Khi cã bom næ th× ch¹y l^an, ®o khèi l-îng dÊt lÊp vuo hê bom, ®Öm bom ch-a næ vụ nõu c¶n th× ph, bom". Cã nguy ph, bom ®Ön n¹m l¶n. - Sã lụ c«ng viÖc m¹o hiÓm vụ c,i chÖt lu«n r×nh rËp; ®Bi hái s- dòng c¶m, b×nh tÛnh l¹ th-êng. Nh÷ng c«ng viÖc Êy ®· trê thụng th-êng nguy: "Cã ẽ ®©u nh- thÖ nuy kh«ng ch¹y vò hang". b) SiÖu kiÖn sêng vụ sinh ho¹t: - Hä ẽ ngay d-ii ch©n cao ®iÓm, mçi khi bom næ,®Êt ®, r-i ruo ruo phÝa cõa hang, khãi bom xéc vuo trong hang. - Hä uèng n-íc suèi ®ùng trong ca hay bi ®«ng, tãm ẽ khóc suèi th-êng cã bom næ chËm. Ph--ng tiÖn gi¶i trÝ duy nhÊt chØ cã chiÖc ®ui b,n dËn nhá ®Ó nghe ca nh¹c vụ tin tc. 2. H×nh ¶nh c,c nh©n vËt Thao vụ Nho: (2,5 ®iÓm) a) ChP Thao: (1,5 ®iÓm)</p>	

<p>- Dòng c¶m ngoan c-êng:</p> <p>+ Trong c¶ng viÖc: Ch¶ lụ ng-êi chØ huy vụ còng lụ ng-êi lín tuæi nhÊt c¶a tæ trnh s,t ph, bom mÆt ®-êng. Trong chiÖn ®Êu ch¶ lụ ng-êi tống tr¶i: " TiÖng m,y bay trnh s,t c¶ng th¶ng". SiÖu ®ã b, o hi'au hióm nguy s³p tíi, nh-ng ch¶ vãn b×nh tÛnh l¹ th-êng: " Ch¶ Thao mæc b, nh bÝch quy trong tói, thong th¶ nhai. Nh÷ng khi biÖt r»ng c, i s³p tíi s¶ kh¶ng yªn ¶ th× ch¶ tá ra b×nh tÛnh ®Ön ph, t bùc". Ai còng gêm ch¶ vÒ tÝnh c--ng quyÖt t, o b¹o.</p> <p>+ Trong cuéc sêng: Ch¶ lụ ng-êi rÊt còng cái. Khi Nho b¶ th--ng, trong lßng chi bén bò bao suy nghÛ lo l¶ng, nh-ng ch¶ kh¶ng khæc v× ý thøc s©u s³c: " N-íc m³t ®øa nọ ch¶y trong khi c¶n c, i còng cái c¶a nhau nuy lụ b¶ xem nh- b»ng chøng c¶a mét sù tù nhôc m¹". Ch¶ cßn h, t ®Ó tù ®¶ng viªn m×nh: " Ch¶ Thao h, t: S©y Th¶ng Long, ©y S¶ng S¶ Hụ Néi....".</p> <p>- T¶m hản trong s, ng méng m-:</p> <p>+ Ch¶ cũ t×nh yªu th--ng ®ãng ®éi s©u s³c. Ch¶ Thao ph©n c¶ng P¶ ẽ nhụ trùc ®iÖn tho¹i v× P¶ cũ vÖt th--ng ẽ ®×u ch-a lụnh, cũn ch¶ vụ Nho ®i trnh s,t lóc m,y bay ®¶ch nÐm bom. Ch¶ Thao c¶m c, i th-íc trªn tay t¶i, nuèt nèt miÖng bÝch quy ngon lụnh: " S¶nh ẽ nhụ. L¶n nuy nã bá Ýt, hai ®øa ®i còng ®ñ".</p> <p>Lóc Nho b¶ th--ng, chi Thao véi vụng lao tíi, nghÛn nguo xóc ®éng: " Nho, b¶ th--ng ẽ chç nọ? B¶ ẽ ©u, em?" Ch¶ cø luÈn quÈn lóng tóng nh- ch¶ng biÖt lụm g×. Ch¶ ®-a m³t nh×n Nho, lÊy tay sũa cæ , o, ve , o vụ tấc Nho.</p> <p>+ Lụ ng-êi thÝch h, t: "...Ch¶ kh¶ng h, t tr¶i ch¶y ®-íc bụi nọ nh-ng ch¶ l¹i cũ ba quyón sæ duy, chÐp bụi h, t. Rçi lụ ngãi chÐp bụi h, t ...". Ch¶ còng thÝch lụm duyªn: " , o lất cũ ch¶ c, i nọ còng thªu chØ mụ. Ch¶ l¹i hay tØa ®¶i l¶ng mụ cũ m×nh, tØa nhá nh- c, i t¶m.</p>	
--	--

	<p>b) ChP Nho: (1,0 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lạ c« g, i dòng c¶m gan d¹. ChiỐn Ớu trong m«i tr-êng khã kh"n , c liỐt, chP Ớ· v-ít l^an Ớó houn thụnh nhiỐm vô. C« cing chP Thao Ới tring s, t mÆt Ớ-êng khi m, y bay Ớpch Ớang nĐm bom vụ Nho Ớ-íc phỐn c«ng ph, hai qu¶ bom d-íi lBng Ớ-êng... - Lạ c« g, i trỈ trung vụ Ớ, ng y^au: Nho cũ c, i cæ trBn vụ chiỐc nh÷ng cóc , o nhá nh³4n; nhỈ vụ m, t mỈ nh- mét que kem tr³4ng. - Sèng hản nhi^an v« t-: Lạ c« g, i Ýt tuæi nhËt tæ cũ lóc hản nhi^an trỈ con (t³4m ẽ suèi cũ bom næ chËm, khi vĩa l^an, cø quÇn , o -ít ngãi ỚBi "n kỈo). 	
	<p>3. S. nh gi.: (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong houn c¶nh sèng vụ chiỐn Ớu khã kh"n nguy hiỐm, c, c nhỐn vËt Thao vụ Nho Ớ· s, ng ngêi l^an tinh thÇn dòng c¶m, tỐm hản trong s, ng méng mẽ vụ trỈ trung. Sã lụ nh÷ng phËm chËt cao ỚỈp cũa nh÷ng c« g, i thanh ni^an xungphong tr^an tuyỐn Ớ-êng TS, cũa thỔ hỔ trỈ ViỐt Nam thêi chèng MÛ. - NghỔ thuËt næi bËt: T, c gi¶ Ớ· thụnh c«ng trong bót ph, p c, tró hãa nhỐn vËt. H×nh ¶nh mçi nhỐn vËt Ớ-íc mi^au t¶ vúi nh÷ng nĐt c, tÝnh ri^ang bỐt n^an rËt chỐn thùc, sinh Ớéng. - Nguy^an nhỐn thụnh c«ng: Ph¶i lụ ng-êi trong cuéc vụ g³4n bã y^au th--ng ... mỈ cũ thó t¶ Ớ-íc chỐn thùc, sinh Ớéng nh- vËy. - Li^an hỔ so s, nh: C, c t, c phËm th- ca, truyỐn ký viỐt vò tuæi trỈ VN thêi chèng MÛ. 	
	<p>III. KỐt bụi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - N^au Ớn t-íng kh, i qu, t vò hai nhỐn vËt Thao vụ Nho. - Li^an hỔ b¶n thỐn 	<p>0,5</p>
<p style="text-align: center;">L-u ý chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - ThÝ sinh cũ thó tr×nh bụy, sãp xõp theo nh÷ng c, ch kh, c nhau, miỒn lụ ỚỈ ý, hỔ thèng vụ chËt cũ. - KhuyỐn khÝch nh÷ng kiỐn gi¶i ri^ang, thùc sù cũ ý 		

nghe trong tổng câu phần từ luận.

- Thang điểm trên đây ghi điểm tối đa cho mỗi ý. Nếu thí sinh ch-a p ơng -íc nh÷ng y^au cÇu vò kÛ n^{ing} lưm bưi th× kh«ng thó đ^t -íc sè đ^{ion} nưy. B^an c^{inh} y^au cÇu vò kiõn thøc cβn cũ y^au cÇu vò kÛ n^{ing} vư n^{ing} lúc đ^{ion} đ^t.

- Bưi viõt m^{ac} tở 5-10 lçi chÝnh t^l, d^{ing} tở vư đ^{ion} đ^t trõ 0,25 đ^{ion}; tr^an 10 lçi, trõ 0,5 đ^{ion}. S^{ion} toun bưi lⁱ đ^{on} 0,25 đ^{ion}, kh«ng lưm trβn.

Sở GDĐT Hà
Tĩnh

ĐỀ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2009-2010

Môn: **Ngữ văn**

Thời gian làm bài: 120 phút.

ĐỀ CHÍNH THỨC

M. : 03

Câu 1. (1, 0 điểm)

Trong bài Khóc h, t ru nh÷ng em bđ lín tr^an l-ng m^ñ, như th^{ng} Nguyễn Khoa Sĩ òm viõt:

tr^an đ^{ai} " M^{et} trêi cũa b^{ap} th× n^{em}

tr^an l-ng" M^{et} trêi cũa m^ñ em n^{em}

(Ngữ văn 9, tếp mét, NXB gi, o dõc- 2005)

Tở m^{et} trêi ò còu thø hai lư biõn ph, p tu tở g×? N^{au} t, c dõng cũa nã?

Câu 2 (2,0 điểm)

Viõt mét đ^{on} vⁱⁿ (kho^{ng} 5-7 đβng) giú thiõu vò t, c gi^l H÷u Thønh, trong đ^ã cũ sò dõng phđp thõ vư phđp nèi. Chø ra nh÷ng tở ng÷ li^an kõt thuc li^an kõt nư?

Câu 3. (3,0 điểm)

Trong vⁱⁿ bⁱⁿ *Chu^{en} bđ h^{nh} trang vưo trang vưo thõ kø míi* (ngữ văn 9, tếp hai, NXB gi, o dõc- 2005), t, c gi^l Vò Khoan chø ra mét trong nh÷ng c, i m^{inh} cũa con ng-êi Viõt Nam lư " Th^{ng} minh nh^y bđn víi c, i míi" cũn c, i yõu lư " kh^l n^{ing} thuc h^{nh} vư s, ng t^o bđ hⁱⁿ chõ dom lèi hác chay, hác v^{nt} n^{ng} nò".

H^y viõt mét bưi vⁱⁿ nghđ lu^{en} (Kho^{ng} 300 tở) tr×nh bư suy nghũ cũa em vò ý kiõn tr^an?

Câu 4. (4,0 điểm)

Cám nhĕn cũa em vò nh©n vĕt Ph--ng SĐnh trong t,c phĕm
Nh÷ng ng«i sao xa x«i cũa nhũ v"n L^a Minh Khu^a (PhÇn
trÝch trong ng÷ v"n9, tĕp hai, NXB gi, o dđc-2005)

.....
Hđt.....

Hà vµ
t^an:.....
. Sè b, o danh:.....

Số GDĐT Huyện	K× thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2009-2010
---------------	---

Môn: Ngữ văn
H-íng dÉn chÊm thi
 (B¶n hõ-ng dÉn

chÊm)

I. H-íng dÉn chung.

- Gi,m kh¶o c¶n n³m v÷ng yªu cÇu c¶a h-íng dÉn chÊm ®Ó ®,nh gi, tæng qu,t l¼m búi c¶a thÝ sinh, chÊm tr,nh lèi ®m ý cho ®im.
- Do ®Æc tr-ng c¶a n«n ng÷ v¨n nªn gi,m kh¶o c¶n linh ho¹t trong vic vËn dông ®,p ,n vµ thang ®im;khuyn khÝch ng÷ng búi h,t cã c¶m xc, s,ng t'o, tr×nh by m¹ch l¹c, ch÷ ®Ñp; kh«ng cho ®im tòi ®a(tng cu, tn búi) ®èi víi nh÷ng búi ph¹m nhiu lçi chÝnh t¶, ch÷ vit tr×nh by cÈu th¶.
- Vic chi tit ho, ®im sè c¶a c,c ý(nõu cã) ph¶i ®¶m b¶o kh«ng sai lõch víi tæng ®im c¶a mçi ý vµ ®-íc thng nhÊt trong tæ chÊm thi.
- Sau khi céng ®im tn búi, ®Ó nguyªn tæng ®im, kh«ng l¼m trßn.

II. §,p ,n vµ thang ®im

M. ®Ò : 03

Cu	§,p ,n	§im
1 (1,0 ®im)	- T mÆt trêi trong cu th- trªn l¼ bin ph,p tu t Ên d	0.5 ®im
	- T,c dông: Th hin t×nh c¶m c¶a ng-êi mÑ ®èi víi con. Con l¼ mÆt trêi c¶a mÑ;l¼ nguån h¹nh phc Êm ,p va gÇn gi, va thiªng liªng c¶a ®êi mÑ. Con ®· gãp phÇn s-êi Êm lng tin yªu, ý chÝ c¶a mÑ trong cuc sng...	0.5 ®im
2 (2,0 ®im)	- §n v¨n trªn tr×nh by nÐt c- b¶n v t,c gi¶ H÷u Thnh (N¨m sinh-n¨m mÊt,quª qu,n, ®Æc ®im th-, t,c phÈm chÝnh...)	0.5 ®im
	- §n v¨n ph¶i cã s dông c,c phÐp liªn kt: PhÐp th vµ phÐp nèi. Ch ra t ng÷ liªn kt thuc c,c phÐp liªn kt ®ã (Nu ®ng mét phÐp liªn kt cho 0.75 ®im)	1.5 ®im

3 (3 điểm)	a, Yêu cầu về kỹ năng: Biết cách làm bài nghị luận xã hội. Kĩt cấu chăt chữ, diôn đĩt tr«i chĩy; kh«ng m«c l«i chĩnh tĩ, đĩng tĩ, ng÷ ph, p.	
	b, Yêu cầu về h«nh th«c: Thĩ sinh cçn làm r« c, c n«i dung sau:	
	- N«u đ-íc v«n đĩ cçn nghị luận	0.5 điểm
	- Suy nghĩ về c, i mĩnh cĩa con ng-«i Viĩt nam: Th«ng minh, nhĩy bđn v«i c, i mĩi (V«n đĩng c, c thao t, c nghị luận đĩ làm r« c, i mĩnh cĩa con ng-«i Viĩt Nam; ý nghĩa, t, c đĩng cĩa n«)	1.0 điểm
	- Suy nghĩ về c, i yĩu cĩa con ng-«i Viĩt nam: Khĩ nĩng th«c hũnh vụ s, ng t'ĩ bđ h'ĩn chĩ do l«i h«c chay, h«c vĩt n«ng nĩ (V«n đĩng c, c thao t, c nghị luận đĩ làm r« c, i yĩu cĩa con ng-«i Viĩt Nam; ý nghĩa, t, c đĩng cĩa n«)	1.0 điểm
- li«n hĩ bĩn th«n: Th«y đ-íc c, i mĩnh cĩa bĩn th«n đĩ tĩ đ« c« h-ĩng ph, t huy; Kh«c ph«c nh÷ng c, i yĩu, nh«t lụ l«i h«c chay, h«c vĩt; tĩng c-«ng kĩ nĩng th«c hũnh vụ v«n đĩng...	0.5 điểm	
4 (4 điểm)	a, Yêu cầu về kỹ năng: Biết cách làm bài nghị luận văn học. Kĩt cấu chăt chữ, diôn đĩt tr«i chĩy; kh«ng m«c l«i chĩnh tĩ, đĩng tĩ, ng÷ ph, p.	
	b, Yêu cầu về h«nh th«c: Tr«n c-ĩ s« hiĩu biĩt về t, c ph«m" Nh÷ng ng«i sao xa x«i" cĩa nhụ v'ĩn L« Minh Khu« (Phçn trĩch trong ng÷ v'ĩn, t«p hai), thĩ sinh tr«nh bũy đ-íc nh÷ng cĩm nh«n cĩa m«nh về nh«n v«t Ph-«ng Sđnh trong đĩn trĩch. Thĩ sinh c« thĩ c« nhĩu c, ch tr«nh bũy, nh-ng cçn làm r« đ-íc c, c ý c-ĩ bĩn sau:	
	- Giĩi thiĩu kh, i qu, t về t, c giĩ, t, c ph«m, nh«n v«t Ph-«ng Sđnh	0.5 điểm
	- Vĩ đĩp cĩa nh«n v«t Ph-«ng Sđnh kh«ng t, ch r«i vĩ đĩp cĩa t«p thĩ n÷ t« trĩnh s, t m«t đ-«ng vụ đ-íc đ«t trong t«nh hu«ng thĩ th, ch cĩa m«t vĩng tr«ng đĩm tr«n tuyĩn đ-«ng Tr-«ng S-n.	0.5 điểm

	<p>- Nhân vật Ph--ng Sơn lộ c« g, i Hư Núi v« t-, hân nhi^an, nh¹y c¶m, hay m- méng, thých h, t, quan t©m Ôn h×nh thøc...</p>	<p>1.0 ĐiÓm</p>
	<p>- Nhân vật Ph--ng Sơn lộ mét n÷ thanh ni^an xung phong dòng c¶m, kh«ng sê hi sinh, tr, ch nhiÖm cao víi nhiÖm vô, cũ tinh thçn ®ång ®éi, tinh thçn l¹c quan...</p>	<p>1.0 ĐiÓm</p>
	<p>- NghÖ thuËt x©y dùng nhân vật (chñ yÖu lộ mi^au t¶ t©m lý): TruyÖn kÓ ẽ ng«i thø nhËt, còng lộ nhân vật chýnh n^an t, c gi¶ cũ ®iÖu kiÖn tËp trung mi^au t¶ lụm nãi bËt thõ giú nêi t©m phong phó, cao ®ñp cũa nhân vật...</p>	<p>0.5 ĐiÓm</p>
	<p>- S, nh gi, : Nhân vật Ph--ng Sơn ti^au biÓu cho thõ hÖ trÎ ViÖt nam trong thêi k× kh, ng chiÖn chøng Mũ.</p>	<p>0.5 ĐiÓm</p>

KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Khóa ngày 21 tháng 06 năm 2011 tại TPHCM

Môn thi : VĂN

Thời gian: 120 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu 1: (1 điểm)

Trong truyện ngắn *Làng*, Kim Lân đã xây dựng một tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng quê và lòng yêu nước của nhân vật ông Hai. Đó là tình huống nào?

Câu 2: (1 điểm)

*Kim vàng ai nữ uốn câu,
Người khôn ai nữ nói nhau nặng lời.*

Câu ca dao trên khuyên chúng ta điều gì? Điều đó liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Câu 3: (3 điểm)

*Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói:
“Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, ...”*

(Theo Lí Lan, *Cổng trường mở ra*)

Từ việc người mẹ không “cầm tay” dắt con đi tiếp mà “buông tay” để con tự đi, hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) bàn về tính tự lập.

Câu 4: (5 điểm)

Cảm nhận về cảnh mùa xuân trong bốn câu thơ đầu và sáu câu thơ cuối của đoạn trích

Cảnh ngày xuân:

*Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

[...]

*Tà tà bóng ngà về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghènh bắc ngang.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1:

Trong truyện ngắn *Làng*, Kim Lân đã xây dựng một tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng quê và lòng yêu nước của nhân vật ông Hai: Trong lúc đang sống ở vùng tự do, ông Hai được biết tin làng của ông đã trở thành một làng Việt gian. Tin đó đã mang lại rất nhiều xúc động cho ông. Nó khiến ông có nhiều tâm trạng, suy nghĩ và hành động. Qua đó, nó thể hiện lòng yêu làng, yêu nước của ông Hai.

Câu 2:

Câu ca dao trên với một số hình ảnh ẩn dụ, kết cấu so sánh đặc sắc: *Kim vàng - uốn câu // Người khôn - nặng lời* đã đưa ra lời khuyên: chúng ta cần phải có thái độ tế nhị, lịch sự khi nói năng, hội thoại với nhau trong giao tiếp. Điều này liên quan đến phương châm hội thoại lịch sự: khi giao tiếp cần chú ý đến sự tế nhị, khiêm tốn và tôn trọng người khác.

Câu 3:

Học sinh có thể làm nhiều cách khác nhau miễn là có đủ một số ý theo quy định. Sau đây là một cách làm cụ thể:

- Mở bài: Nêu lại câu văn trên đề bài để dẫn đến tính tự lập

Khi còn nhỏ, chúng ta sống trong sự bảo bọc của ông bà, cha mẹ nhưng không phải lúc nào người thân yêu cũng ở bên cạnh chúng ta. Bàn tay dịu dàng của cha mẹ, đến một lúc nào đó cũng phải buông ra để chúng ta độc lập bước vào đời. Hai chữ “buông tay” trong câu văn của Lý Lan như một bước ngoặt của hai trạng thái được bảo bọc, chở che và phải một mình bước đi. Việc phải bước đi một mình trên đoạn đường còn lại chính là một cách thể hiện tính tự lập.

- Thân bài:

+ Giải thích: tự lập là gì? (nghĩa đen: tự đứng một mình, không có sự giúp đỡ của người khác. Tự lập là tự mình làm lấy mọi việc, không dựa vào người khác).

Người có tính tự lập là người biết tự lo liệu, tạo dựng cuộc sống cho mình mà không ỷ lại, phụ thuộc vào mọi người xung quanh.

+ Phân tích:

- _ Tự lập là đức tính cần có đối với mỗi con người khi bước vào đời.
- _ Trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng có cha mẹ ở bên để dìu dắt, giúp đỡ ta mỗi khi gặp khó khăn. Vì vậy, cần phải tập tính tự lập để có thể tự mình lo liệu cuộc đời bản thân.
- _ Người có tính tự lập sẽ dễ đạt được thành công, được mọi người yêu mến, kính trọng.
- _ Dẫn chứng.

+ Phê phán: _ Tự lập là một phẩm chất để khẳng định nhân cách, bản lĩnh và khả năng của một con người. Chỉ biết dựa dẫm vào người khác sẽ trở thành một gánh nặng cho người thân và cuộc sống sẽ trở nên vô nghĩa. Những người không có tính tự lập, cứ dựa vào người khác thì khó có được thành công thật sự. Cho nên ngay cả trong thế giới động vật, có những con thú đã biết sống tự lập sau vài tháng tuổi.

+ Mở rộng: tự lập không có nghĩa là tự tách mình ra khỏi cộng đồng. Có những việc chúng ta phải biết đoàn kết và dựa vào đồng loại để tạo nên sức mạnh tổng hợp.

+ Liên hệ bản thân: cần phải rèn luyện khả năng tự lập một cách bền bỉ, đều đặn. Để có thể tự lập, bản thân mỗi người phải có sự nỗ lực, cố gắng và ý chí mạnh mẽ để vươn lên, vượt qua thử thách, khó khăn, để trau dồi, rèn luyện năng lực, phẩm chất.

- Kết bài:

Nếu mọi người đều biết sống tự lập kết hợp với tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau thì xã hội sẽ trở nên tốt đẹp hơn và cuộc sống mỗi người sẽ được hạnh phúc.

Câu 4:

Đây là câu nghị luận văn học yêu cầu trình bày cảm nhận về một nội dung trong một đoạn thơ. Bài viết cần đáp ứng yêu cầu của việc viết một bài văn nghị luận văn học với đầy đủ bố cục có 3 phần. Bài viết cũng cần thể hiện kỹ năng cảm thụ và phân tích một đoạn thơ để nói lên cảm nhận của mình về đoạn thơ ấy. Thí sinh có thể có những cách trình bày khác nhau. Sau đây là một số gợi ý:

- Giới thiệu vài nét về Nguyễn Du và tác phẩm Đoạn trường tân thanh (truyện Kiều).

- Giới thiệu đoạn thơ được dẫn trong đề bài.

- Giới thiệu vị trí của đoạn thơ: 10 câu không liên tiếp trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân* thuộc phần đầu của tác phẩm truyện Kiều. Đoạn thơ miêu tả cảnh mùa xuân trong ngày hội Đạp Thanh.

- Phân tích để trình bày cảm nhận về cảnh mùa xuân trong 4 câu thơ đầu: đó là quang cảnh tháng thứ ba của mùa xuân với nét đẹp xanh tươi, thanh khiết và phóng khoáng của: *cỏ non xanh tận chân trời, cành lê trắng điểm một vài bông hoa*. Chú ý các chi tiết: hình ảnh *con én* gợi đến mùa xuân; hình ảnh *cỏ non xanh tận chân trời, cành lê trắng*, từ “*điểm*” mang lại sức sống cho bức tranh cảnh mùa xuân. Thí sinh có thể liên hệ so sánh với một vài câu thơ miêu tả về mùa xuân (*sóng cỏ tươi xanh gợn đến trời* – Hàn Mặc Tử; *Mọc giữa dòng sông xanh / Một bông hoa tím biếc* – Thanh Hải) để làm nổi bật nét độc đáo trong nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Du.

- Phân tích để trình bày cảm nhận về cảnh mùa xuân trong 6 câu thơ cuối của đoạn thơ: đó là cảnh buổi chiều lúc chị em Thúy Kiều trở về. Bức tranh buổi chiều được miêu tả với nét đẹp dịu dàng, thanh nhẹ, nhuốm màu tâm trạng, bàng khuâng, xao xuyến mà con người thường có sau một cuộc vui và trong một buổi chiều tà. Cảnh được miêu tả bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Thí sinh cần khai thác những từ láy được sử dụng một cách khéo léo trong đoạn thơ: *tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao*

nao, nho nhỏ. Những từ láy nói trên vừa có tác dụng miêu tả cảnh vật, vừa gợi tới tâm trạng của con người trong cảnh vật. Thí sinh cũng có thể liên hệ so sánh với một vài câu thơ khác (*Trước xóm sau thôn tựa khói lồng / Bóng chiều man mác có đường không / Theo hời còi mục trâu về hết / Cỏ trắng từng đôi liệng xuống đồng* – Trần Nhân Tông) để làm nổi bật nét riêng của buổi chiều mùa xuân trong 6 câu thơ này.

- Nhận xét đánh giá chung về đoạn thơ ở nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa: nghệ thuật miêu tả đặc sắc, hệ thống từ giàu chất tạo hình; bức tranh mùa xuân đẹp, thanh khiết, dịu nhẹ và đầy tâm trạng; thể hiện tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du.

KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Khóa ngày 21 tháng 06 năm 2011 tại Đà Nẵng
Môn thi : VĂN
Thời gian: 120 phút (không tính thời gian giao đề)
ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu 1: (1 điểm)

Tìm lời dẫn trong khổ thơ sau và cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp.

Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài:

“Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay”.

(Vũ Đình Liên, Ông đồ)

Câu 2: (2 điểm)

Giáo dục tức là giải phóng⁽¹⁾. Nó mở ra cánh cửa dẫn đến hòa bình, công bằng và công lí⁽²⁾. Những người nắm giữ chìa khóa của cánh cửa này – các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ - gánh một trách nhiệm vô cùng quan trọng, bởi vì cái thế giới mà chúng ta để lại cho các thế hệ mai sau sẽ tùy thuộc vào những trẻ em mà chúng ta để lại cho thế giới ấy⁽³⁾.

(Phê-đê-ri-cô May-o, *Giáo dục – chìa khóa của tương lai*, Ngữ văn lớp 9, Tập 2)

a/ Chỉ ra từ ngữ thực hiện phép liên kết giữa câu 1 và câu 2 của đoạn văn trên.

Cho biết đó là phép liên kết gì?

b/ Chỉ ra các từ ngữ là thành phần biệt lập trong đoạn văn trên. Cho biết tên gọi của thành phần biệt lập đó.

Câu 3: (2 điểm)

Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác.

Hãy viết một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn (khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

Câu 4: (5 điểm)

Cảm nhận của em về tình cha con trong đoạn trích sau:

Đến lúc chia tay, mang ba lô trên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trĩu mền lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi ! Ba đi nghe con ! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba...a...a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

*Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:
 - Ba! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !
 Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và
 hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.*
 (Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà*, Ngữ văn 9, Tập 1)

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1:

Lời dẫn trong khổ thơ được thể hiện ở 2 câu thơ sau:

*“Hoa tay thảo những nét
 Như phượng múa rồng bay”*

Đó là lời dẫn trực tiếp. Về hình thức nó được thể hiện ở chỗ lời dẫn nằm sau dấu hai chấm và ở giữa hai dấu ngoặc kép.

Câu 2:

a/ Từ ngữ thực hiện phép liên kết giữa câu 1 và câu 2 của đoạn văn trên được thể hiện ở từ “nó” (chủ ngữ của câu 2). Đó là phép thế.

b/ Thành phần biệt lập trong đoạn văn trên : *các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ*. Tên gọi của thành phần biệt lập đó là thành phần phụ chú.

Câu 3:

Học sinh cần lưu ý đáp ứng đúng yêu cầu của câu hỏi về việc viết một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn (khoảng 20 dòng). Sau đây là một số gợi ý về nội dung:

- Mở bài: Giới thiệu vấn đề

Sống là thường xuyên giao tiếp với người khác. Có những cách giao tiếp đem lại niềm vui và hạnh phúc cho người khác. Có những cách giao tiếp mang lại sự đau khổ và lòng thù hận. Để có một kết quả tốt đẹp khi giao tiếp, cần phải biết tế nhị và tôn trọng người khác.

- Thân bài:

+ Giải thích:

_ Tế nhị: tỏ ra khéo léo, nhã nhặn trong quan hệ đối xử, biết nghĩ đến những điểm nhỏ thường dễ bị bỏ qua.

_ Tôn trọng: tỏ thái độ đánh giá cao và cho là không được vi phạm hay xúc phạm đến.

+ Phân tích:

- _ Tế nhị và tôn trọng người khác là những phẩm chất cực kì quan trọng trong giao tiếp.
 - _ Biết tế nhị và tôn trọng người khác trong giao tiếp sẽ dẫn đến sự hài hòa, vui vẻ và những kết quả tốt đẹp.
 - _ Để biết tế nhị và biết tôn trọng người khác đòi hỏi phải có sự từng trải, sâu sắc, tinh tế và được giáo dục kĩ. Phải biết tôn trọng người khác thì mới được người khác tôn trọng lại. Phải biết tế nhị với người khác thì mới mong nhận lại được sự tế nhị.
 - _ Dẫn chứng: đôi khi vì một lời nói thiếu tế nhị hay một thái độ thiếu tôn trọng đối với người khác mà chúng ta phải ray rứt suốt đời.
- + Phê phán:
- _ Những người tự cao, lỗ mãng, hời hợt, không biết tôn trọng người khác thường dẫn đến những bi kịch đau đớn trong cuộc sống, làm điều gì cũng thất bại.
 - _ Có đôi lúc đòi hỏi chúng ta phải can đảm, “thiếu tế nhị” để nói thẳng sự thật dù đó là sự thật xúc phạm và làm đau lòng người khác.
- + Liên hệ bản thân: Phải biết tự nhắc nhở mình hàng ngày về việc giao tiếp tế nhị và biết tôn trọng người khác. Văn hóa giao tiếp là một vấn đề quan trọng, cần được đưa vào giảng dạy trong nhà trường phổ thông.
- Kết bài:
Giao tiếp tế nhị và biết tôn trọng người khác là chìa khóa để mang lại thành công và hạnh phúc. Đó là một trong những phẩm chất cần thiết của con người để tạo nên một xã hội có văn hóa, tốt đẹp và văn minh.

Câu 4:

Đây là câu nghị luận văn học. Nó đòi hỏi học sinh trình bày cảm nhận của mình về tình cha con trong một đoạn trích (trích từ tác phẩm *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng). Bài viết cần có bố cục đầy đủ 3 phần. Về nội dung, học sinh có thể có những cách trình bày và sắp xếp riêng.

Sau đây là một số gợi ý:

- Giới thiệu vài nét về Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm *Chiếc lược ngà*.
- Giới thiệu hình ảnh anh Sáu và bé Thu trong đoạn trích *Chiếc lược ngà* ở Sách Ngữ văn 9, tập 1: hai nhân vật thể hiện tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh trở trêu, éo le.
- Giới thiệu đoạn trích trong đề bài : thuộc khoảng giữa của đoạn trích trong sách giáo khoa. Nó nằm trong phần thuật lại sự việc lúc anh Sáu chuẩn bị trở về đơn vị. Đó cũng là lúc tình cha con của anh Sáu và bé Thu bộc lộ một cách rõ ràng, mãnh liệt và cảm động.
- Phân tích trình bày cảm nhận:

+ Tình cảm cha con giữa anh Sáu và bé Thu diễn ra và biểu hiện trong hoàn cảnh thật trớ trêu, éo le:

* Học sinh nhắc lại những cảm xúc ngỡ ngàng, cam chịu của anh Sáu trong 3 ngày về phép khi bé Thu không chịu nhận anh là cha và không chịu nhận sự yêu thương, chăm sóc của anh đối với nó khiến anh có lúc đã không kiềm chế được bản thân...

* Do đó lúc chia tay, cả anh Sáu và bé Thu đều có cử chỉ, tâm trạng thật đặc biệt : anh Sáu thì đưa mắt nhìn con, còn bé Thu thì đứng trong góc nhà; anh muốn ôm con, hôn con nhưng lại sợ nó giẫy lên rồi bỏ chạy; anh chỉ đứng nhìn nó với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu, còn bé Thu thì đứng trong góc nhà với đôi mắt mênh mông, tâm trạng xôn xao, bồn chồn.

+ Tình cảm cha con mãnh liệt của anh Sáu và bé Thu: nó được biểu hiện trong hành động và ngôn ngữ của nhân vật, nhất là của bé Thu:

* Bé Thu: kêu thét lên một tiếng “*Ba...a...a...ba*” như một tiếng xé, xé cả ruột gan mọi người, một tiếng “*ba*” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “*ba*” như vỡ tung ra từ đáy lòng; nó vừa kêu vừa chạy tới, chạy thót lên, dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó, tóc nó như dựng đứng lên, nó nói trong tiếng khóc, hôn ba nó cùng khắp: hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

* Anh Sáu : bế nó lên.

Học sinh cần khai thác giá trị biểu cảm của những chi tiết nói trên để làm rõ tình cảm cha con sâu nặng của anh Sáu và bé Thu.

+ Tình cảm cha con ấy đã gây nên một cảm xúc mãnh liệt đối với những người chứng kiến: tiếng kêu của bé Thu không chỉ xé sự im lặng mà còn *xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa*.

+ Tình cảm cha con của anh Sáu và bé Thu được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện trong một đoạn văn có những chi tiết chọn lọc, lời văn trữ tình, giàu cảm xúc đã tô đậm lên tình cảm cha con cao quý của anh Sáu và bé Thu, góp phần biểu hiện một nét tâm hồn cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng Việt Nam.

- Tổng kết, đánh giá chung: một đoạn văn tự sự, có tính chất trữ tình, với những chi tiết đặc sắc đã thể hiện được tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh trớ trêu, đầy kịch tính của người dân Việt Nam thời chiến và để lại nhiều ấn tượng sâu sắc và đầy ám ảnh đối với người đọc hôm nay.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC PHỔ THÔNG
ĐẮK LẮK**

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG

NĂM HỌC: 2011 – 2012

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời

gian giao đề

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy chỉ ra những thành phần tình thái, cảm thán trong các câu văn sau:

a/ **Chao ôi**, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.

(Trích “*Lặng lẽ Sa Pa*”-

Nguyễn Thành Long)

b/ Họa sĩ trầm nghĩ: “Khách tới bất ngờ, **chắc** cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”.

(Trích “*Lặng lẽ Sa Pa*”-

Nguyễn Thành Long)

Câu 2. (3,0 điểm)

Viết một **bài văn ngắn** (khoảng 200 từ) bàn về **vai trò của sách trong cuộc sống**.

Câu 3. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh(chị) về **hai khổ thơ** sau trong bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh:

*“Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”...*

(Trích trang 70, SGK Ngữ văn 9, tập II,

NXB GD năm 2010)

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không được giải thích gì thêm.

Số giờ học - @mô t¹o
Họ nam

SỒ CHÍNH THỰC

Kú thi tuyền sinh vao líp 10 THPT chuyFN
N¹m hác 2011-2012

M«n : Ng÷ v¹n- SỒ chung

Thêi gian lưm búi :120 phót (Kh«ng kó thêi
gian giao @Ồ)

Thi s nư 22 th nư 7 n¹m 2011

Câu 1: (2 điêm)

Tim và phân tích các phép tu từ trong câu thơ sau:

“ Bàn tay ta làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”
(Hoàng Trung Thông)

Câu 2: (3 điêm)

Đọc câu truyện sau và trả lời các câu hỏi:

ĐIỀU ĐẦU TIÊN

Có lần, một sinh viên nói với nhà khoa học Blaise Pascal:

- *Nếu cháu được tài giỏi như chú, cháu sẽ trở thành một người tốt hơn!*

Pascal trả lời:

- *Điều đầu tiên là cháu hãy trở thành một người tốt hơn, rồi cháu sẽ được tài giỏi như chú!*

(Theo Hạt giống tâm hồn, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2010, trang 22)

)

a/Nội dung câu truyện trên nói về vấn đề gì?

b/Viết một đoạn văn khoảng 10 câu theo cách diễn dịch trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề mà câu chuyện đặt ra và quan điểm của 2 người trong câu chuyện trên.

Câu3(5 đ)

Trình bày cảm nhận của em về tình cảm của nhân vật bé Thu dành cho cha trong đoạn trích “ **Chiếc lược ngà** ” trích trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Từ đó rút ra bài học cho bản thân về tình phụ tử.

HỒT

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÌNH ĐỊNH**

**KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Khóa ngày 29-06-2011**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: **NGŨ VĂN**

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: 29/6/2011

Câu 1. (2,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

*“Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”*

(“Việt Bắc” – Tố Hữu)

- Xác định các từ láy trong đoạn thơ trên.
- Chỉ ra các biện pháp tu từ trong đoạn thơ. Nêu giá trị biểu cảm.

Câu 2 (3.0 điểm)

Suy nghĩ về câu tục ngữ “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”.

Câu 3 (3.0 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi nghe tin làng theo giặc trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

----- HẾT -----

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HÀ NỘI**

**KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
Năm học 2011 – 2012**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: **Ngữ văn**

Ngày thi: 22 tháng 6 năm 2011

Thời gian làm bài: 120 phút

Phần I. (6 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

...”Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc”...

(Theo *Ngữ văn 9*, tập hai, NXB Giáo

dục, 2010)

1. Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Nêu tên tác giả của tác phẩm ấy. ”Người đồng mình” được nhà thơ nói tới là những ai?
2. Xác định thành ngữ trong đoạn thơ trên. Em hiểu ý nghĩa của thành ngữ đó như thế nào?
3. Dựa vào phần đã trích dẫn, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 10 câu theo cách lập luận tổng hợp - phân tích - tổng hợp làm rõ đức tính cao đẹp của “người đồng mình” và lời nhắc nhở của cha đối với con, trong đó có sử dụng câu ghép và phép lặp (gạch chân câu ghép và những từ ngữ dùng làm phép lặp).

Phần II (4 điểm)

Dưới đây là một đoạn trong *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)

...“Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngựa mặt lên trời mà than rằng:

- Kẻ bạc mệnh này thân phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhục như, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nêu đoạn trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc mị nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mỹ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.”...

(Theo Ngữ văn 9, tập một,

NXB Giáo dục, 2010)

1. Trong tác phẩm lời thoại trên là độc thoại hay đối thoại? Vì sao?
2. Lời thoại này được Vũ Nương nói trong hoàn cảnh nào? Qua đó, nhân vật muốn khẳng định những phẩm chất gì? Ghi lại ngắn gọn (khoảng 6 câu) suy nghĩ của em về những phẩm chất ấy của nhân vật.
3. Làm nên sức hấp dẫn của truyện truyền kì là những yếu tố kì ảo. Nêu 2 chi tiết kì ảo trong *Chuyện người con gái Nam Xương*.

-----Hết-----

Họ tên thí sinh:.....

Số báo

đanh:.....

Chữ ký của giám thị 1:

Chữ ký của giám

thị 2:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THPT

TỈNH NINH BÌNH

ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10

NĂM HỌC 2011-2012

Môn : NGŨ VĂN

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài 120 phút (không kể thời gian giao

đề)

Đề thi gồm có 03 câu 01 trang

Câu 1 (1,5 điểm)

a) Tìm thành phần cảm thán trong những câu sau :

- Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta , nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc , bần tiện, xấu xa , bỉ ổi ... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ;...

(Nam Cao –Lão Hạc)

-Ôi ! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

(Viễn Phương –Viếng lăng Bác)

b) Tìm các từ láy trong hai câu thơ sau:

Nao nao dòng nước uốn quanh ,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang .

(Nguyễn Du –Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

Khổ thơ sau được trích từ tác phẩm nào ? Của ai ?

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.

Trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên.

Câu 3 (6,0 điểm)

Chuyện người con gái Nam Xương thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến ,đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.

(Ghi nhớ , Văn bản Chuyện người con gái Nam Xương , Nguyễn

Dữ,

Ngũ văn 9, tập một,NXB

Giáo dục)

Bằng sự hiểu biết về nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm , em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

**SỐ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỒNG THÁP**

**KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2011 – 2012**

Đề Chính Thức

Đề thi môn: Ngữ Văn

Ngày thi: 25/06/2011

(Đề thi chỉ có 01 trang) Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (2 điểm) a/Hoàn chỉnh chính xác khổ thơ sau:

“ Bỗng nhận ra hương ổi

.....
.....

Hình như thu đã về. ”

(Hữu Thịnh, Sang Thu, Ngữ Văn 9, tập hai)

Trong khổ thơ trên tác giả cảm nhận được tín hiệu đầu tiên báo sang thu là gì?

b/Tìm thành phần gọi – đáp, phụ chú trong những phần trích sau:

-“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

(Bằng Việt, *Bếp Lửa*)

-“Cô bé nhà bên (có ai ngờ)

Cũng vào du kích”

(Giang Nam, *Quê hương*)

Câu 2: (3 điểm)

Suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu ca dao:

“ Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.”

Câu 3: (5 điểm)

ĐỒNG CHÍ

Chính Hữu

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn mà quen
nhau,

Súng bên súng đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

Đồng chí!

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vừng trán ướt

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Gia sư Thành Được

www.daythem.edu.vn

Cảm nhận suy nghĩ của em về bài thơ trên.

-----Hết-----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Ngữ văn

(Dành cho mọi thí sinh)

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

Đề thi có 01 trang

Ngày thi: 29 tháng 6 năm 2011

Câu 1: (2,0 điểm)

Cho dòng thơ sau:

“Vân xem trang trọng khác vời,”

- Chép ba dòng thơ tiếp theo và khái quát nội dung của bốn dòng thơ đó bằng một câu văn.
- Bốn dòng thơ trên nằm trong tác phẩm nào ? Tác giả là ai ?
- Bút pháp nghệ thuật đặc sắc trong những dòng thơ đó là gì ?

Câu 2:(3,0 điểm)

- *Có những cuốn sách giáo dục ta lòng tin yêu cuộc sống;*
- *Có những cuốn sách giáo dục ta lòng nhân ái vị tha;*
- *Có những cuốn sách làm ta cảm động về tình mẫu tử;*
- *Có những cuốn sách bồi dưỡng cho ta lòng yêu quê hương đất nước;*

Từ các ý đã cho, hãy xác định chủ đề chung và viết một đoạn văn nghị luận từ 10 đến 15 câu, trong đó có sử dụng phép nối (gạch chân phép nối).

Câu 3: (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm “**Lặng lẽ Sa Pa**” của tác giả Nguyễn Thành Long.

-----HẾT-----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO NGHỆ AN**

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2011 - 2012**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

Câu 1. (3,0 điểm)

Đọc kỹ đoạn thơ và trả lời câu hỏi:

*"Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm;
Mực đọng trong nghiên sầu..."*

(Ngũ văn 8, tập 2,

NXBGD 2005, trang 9)

- Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?
- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.
- Trong số các từ sau, những từ nào cùng trường từ vựng?
giấy, đỏ, mực, thuê

d) Hai câu cuối của đoạn thơ trên sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của cách sử dụng biện pháp tu từ đó?

Câu 2. (3,0 điểm)

Viết một đoạn văn phân tích khổ thơ sau:

*"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân..."*

(Viễn Phương, *Viếng lăng Bác*, Ngữ văn 9, tập 2, NXBGD 2006, trang 58)

Câu 3. (4,0 điểm)

..."Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuông vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuông cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuông tạt ra, khiến tôi bị chới với. Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to:

- Thu! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết sẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ. Với vẻ mặt xúc

động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chậm chậm bước tới, giọng lắp bắp run run:

- Ba đây con!

- Ba đây con!

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: "Má! Má!". Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy."

(Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà*, Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD 2006, trang 195, 196)

Cảm nhận của em về nhân vật ông Sáu trong đoạn trích trên.

-----**Hết**-----

Họ và tên thí sinh:..... Số báo
danh:.....

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HÀ NAM**

**KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2011- 2012**

Môn: Ngữ Văn

ĐỀ CHÍNH THỨC
đề.

Thời gian 120 phút, không kể thời gian giao

Câu 1 (2,0 điểm)

Cho các từ ngữ: nói móc, nói ra đầu đũa, nói leo, nói khoác, nói nhăng nói cuội, nói ngọt lọt đến xương.

a. Hãy chọn những từ ngữ thích hợp điền vào các chỗ trống (...) sau:

+Nói quá sự thật hoặc không có trong thực tế, để khoe khoang hoặc đùa vui là (...)

+Nói chen vào câu chuyện của người bề trên khi không được hỏi đến là (.....)

+Nói nhằm châm chọc điều không hay của người khác một cách cố ý là (.....)

+Nói nhằm nhí, vu vơ là (....)

b. Mỗi từ ngữ lựa chọn trong câu trên liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Câu 2: (2,0 điểm)

Kết thúc một bài thơ trong chương trình Ngữ văn 9, có đoạn:

Trăng cứ tròn vành vạnh

kẻ chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình.

a. Đoạn thơ trên viết trong tác phẩm nào? Của ai?

b. Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

c. Vầng trăng là hình ảnh xuất hiện xuyên suốt bài thơ trên. Em hãy giải thích ý nghĩa hình ảnh đó?

Câu 3: (2,0 điểm)

Một lần em chứng kiến hai bạn học sinh không hề quen biết nhau đang đạp xe trên đường. Chẳng may hai xe va chạm, hai người cùng ngã. Sau đó họ đứng dậy, vừa hỏi thăm nhau, vừa nói lời xin lỗi, gật đầu chào rồi lên xe đi tiếp.

hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu (trong đó có sử dụng thành phần phụ chú) nêu cảm nhận của em về cách ứng xử của hai bạn học sinh trên. Gạch dưới thành phần phụ chú.

Câu 4: (4,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của em về hình tượng nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

(Ngữ văn 9, tập một, NXBGD trang 43)

.....Hết.....

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
THPT**

QUẢNG NGÃI

Năm học 2011- 2012

Môn thi: Ngữ văn

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (2 điểm)

Trong đoạn trích “ *Chiếc lược ngà*”, Nguyễn Quang Sáng đã xây dựng tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc và cảm động tình cha con của ông Sáu và bé Thu. Đó là tình huống nào?

Câu 2: (3 điểm)

a. Câu ca dao khuyên chúng ta thực hiện tốt phương châm hội thoại nào khi giao tiếp?

Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

b. Xác định thành phần phụ chú trong câu:

Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga ... và Người đã làm nhiều nghề.

(Lê Anh Trà, *Phong cách Hồ Chí Minh*)

c. Hãy viết một đoạn văn khoảng 5 đến 8 câu, trong đó có chứa thành phần phụ chú (gạch chân thành phần phụ chú).

Câu 3: (5 điểm)

Phân tích bài thơ “*Sang thu*” của Hữu Thỉnh.

HẾT

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Sẽ giao dộc & Số t¹o
H-ng Y^an

SỒ CHÍNH THỰC

(Số thi cũ 02 trang)

**K× thi tuyền sinh vọ líp 10 THPT
N^{ăm} hăc 2011 - 2012**

M«n thi: Ng÷ V^{ăn}

Thêi gian: **120 phút** (kh«ng kó giao
®ò)

Nguy thi: **05 th,ng 7 n^{ăm} 2011**

I. Trác nghiÖm kh, ch quan (2®)

Săc kÛ c, c c©u hái d-íi ®©y vù chän ®, p, n

®óng (A, B, C hoÆc D) chĐp vọ bùi lùm.

C©u 1: Nguyễn Du viết Truỵn KiĐu ðua vọ cèt truỵn nọ?

- A. Truỵn k× m¹n lôc
- B. Kim V©n
- C. Họng L^a nhÊt thèng chÝ
- D. ChuyÖn cò trong phñ chóa TrĐnh

C©u 2: Tõ "®Çu" trong đBng nọ sau ®©y ®-íc ðing theo nghÿa gèc?

- A. SÇu b¹c r^{ing} long.
- B. SÇu t-êng sím sím vÇng d--ng măc.
- C. SÇu sóng tr^{ing} treo.
- D. SÇu săng ngăn giã.

C©u 3: Hai c©u ca dao sau sô đông biÖn ph, p tu tã nọ?

Cuy ®ảng ®ang buæi ban tr-a

Mả h«i th, nh thấ nh- m-a ruéng cuy.

- A. So s, nh
- B. Ên đô
- C. Nh©n ho,
- D. Ho, n đô

C©u 4: Trong truỵn ng³n ChiÖc l-íc ngụ cña Nguyễn Quang S, ng, khi «ng S, u vò th^{im} nh, v× sao bĐ Thu kh«ng nhÿn cha?

- A. V× t, m n^{im} xa c, ch qu, l©u
- B. V× b, c Ba năi víi bĐ Thu ®ã kh«ng ph¶i lụ cha cña Thu.
- C. V× khu«n mÆt cña «ng S, u cũ vỐt thÑo ðui kh, c víi bôc ¶nh chôp cing m, .
- D. V× tr«ng mÆt «ng qu, xÊu.

C©u 5: Sô¹n trÝch Con chã BÊc ®-íc trÝch tã t, c phÈm nọ?

- A. Nanh tr³ng.
- B. TiÖng gãi n-i hoang đ.
- C. ChiÖc l, cuèi cing.
- D. Cè h--ng.

Câu 6: Bụi th- Mĩa xu©n nhỏ nhá ©-íc Thanh H¶i s,ng t,c vụo n'ím nưo?

- A. 1965
B. 1970
C. 1975
D. 1980

Câu 7: NhËn ©Đnh nưo sau ©©y nãi ©óng vò khËi ng÷?

- A. KhËi ng÷ lự thụn phçn chÝnh cĩa c©u.
B. KhËi ng÷ lu«n ©øng sau chñ ng÷.
C. KhËi ng÷ n^au l^an ©ò tui ©-íc nãi ©õn trong c©u.
D. KhËi ng÷ lự thụn phçn duy tr× cuéc giao tiõp.

Câu 8: Trong phçn th©n bụi cĩa d'ng bụi nghĐ luËn vò mét ©o¹n th-, bụi th-, ng-êi viõt cçn:

- A. Ph©n tÝch, ©,nh gi, tống c©u th-.
B. Ph©n tÝch, ©,nh gi, nh÷ng gi, trĐ nghõ thuËt cĩa ©o¹n th-, bụi th-.
C. Ph©n tÝch, ©,nh gi, nh÷ng gi, trĐ néi dung cĩa ©o¹n th-, bụi th-.
D. Ph©n tÝch, ©,nh gi, vò néi dung vụ nghõ thuËt cĩa ©o¹n th-, bụi th-.

II: Tù luËn (8©)

Câu 1: (1,0 ©):

MËt trêi ©· mác ©»ng ©«ng.

Tõ **©«ng** trong c©u tr^an lự tõ ©ó chø ph--ng h-íng (ph--ng ©«ng). Em h·y t×m th^am hai tõ **©«ng** cĩng ©m nh-ng kh,c nghËa vói tõ **©«ng** trong c©u tr^an vụ Æt c©u vói mçi tõ t×m ©-íc.

Câu 2: (2,0 ©):

Viõt mét ©o¹n v'ın theo phĐp lËp luËn diôn dĐch (tõ 8 ©õn 10 c©u) vói c©u chñ ©ò sau:

M,ı tr-êng lự n-ıi ©ó l'ıi nhiòu kø niòm ©Ñp trong t©m hãn hác sinh.

Câu 3: (5,0 ©):

Ph©n tÝch ©o¹n th-:

*"Ch©n ph¶i b-íc tíi cha
Ch©n tr,ı b-íc tíi mÑ
Mét b-íc ch'ım tiõng nãi
Hai b-íc tíi tiõng c-êi
Ng-êi ©ảng m×nh y^au l'ım con -ı
Şan lê cũi nan hoa
V, ch nhự ken c©u h,t
Rõng cho hoa
Con ©-êng cho nh÷ng tÊm lBng
Cha mÑ m·ı nhı vò nguy c-ıı
Nguy ©çu ti^an ©Ñp nhËt tr^an ©êi ..."*

(Trích *Nãi vớ con* - Y

Ph--ng)

----- HỒt -----

***Thý sinh kh«ng ®-íc số dõng tụi liÖu. Gi,m thĐ kh«ng
gi¶i thých g× th^am.***

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THPT

THANH HOÁ

Đề chính thức

Đề A

(Đề thi gồm 1 trang)

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

NĂM HỌC: 2011-2012

Môn thi: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút

Câu 1 (2 điểm):

a, Từ “**đầu**” trong câu ca dao sau được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

*Hôm qua tát nước **đầu** đình*

Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.

b, Tìm khởi ngữ trong các câu sau:

Nó ngơ ngác, lạnh lùng. Còn anh, anh không kìm nổi xúc động.

(Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng)

c, Xác định thành phần biệt lập trong câu sau và gọi tên thành phần biệt lập ấy?

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nét na, lại thêm tư dung tốt đẹp.

(Chuyện người con gái Nam Xương - Nguyễn Dữ)

Câu 2 (2 điểm):

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 20 dòng) bàn về câu tục ngữ Thương người như thể thương thân.

Câu 3 (1 điểm):

Bằng một đoạn văn (khoảng 10 dòng) hãy thể hiện cảm nhận của em về vẻ đẹp trong những dòng thơ sau:

Con là mây và mẹ sẽ là trăng

Hai bàn tay con ôm lấy mẹ, và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm

(Mây và sóng- R.Ta-go)

Câu 4 (5 điểm):

“*Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long đã khắc hoạ thành công hình ảnh những con người bình thường mà cao đẹp*”.

Phân tích vẻ đẹp của nhân vật anh thành niên trong đoạn trích đã học để làm sáng tỏ nhận định trên.

.....Hết.....

(Giám thị không giải thích gì thêm)

Sở giáo dục và đào tạo
10 THPT

kỳ thi tuyển sinh lớp

Học sinh
năm học 2011-2012

Môn thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài 120 phút (không kể thời gian chép
đề)

Nguy

thi: 30 tháng 6 năm 2011 (Sĩt 2)

Số thi gồm 1 trang

Câu 1 (2@):

a, Viết ra tên người thi không thể cần thiếu trong bài
thơ sau:

Văn xem.....Kh, c vôi.

Khuôn trăng.....nét nguyệt nẻ nang.

Hoa c-êi ngác thét oan trang.

Mây thua n-íc tấc tuyết nh-êng mù da.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều, Chép em chú ý Kiều SGK Ngữ văn
9. tập I, NXBGD năm 2005, trang 81)

b, Vì sao nhà thơ viết Thuý Văn trong bài thơ trên?
Qua miêu tả vẻ đẹp, Nguyễn Du ngầm báo trước điều
gì?

c, Bút pháp miêu tả nhà thơ viết trong bài thơ?

Câu 2 (3@)

Em hãy bày tỏ suy nghĩ của mình về quan niệm sau:

Hình phúc của ta là lộc trời ban.

Câu 3 (5@)

Tên họ của người, tên của nhà thơ viết trong Hai
trong trích bài thơ **Lặng** (Kim Lân, Ngữ văn 9, tập
I, NXBGD năm 2005)

-----HỒT-----

Hã vạ t^an thÝ sinh:.....Sè b, o

danh:.....

Ch÷ ký cĩa gi, m thĐ 1:.....Ch÷ ký cĩa gi, m thĐ

2:.....

ĐỀ THI TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT
KHOÁ NGÀY 27-6-2011-TỈNH QUẢNG TRỊ

Câu 1.(1,5 điểm).

- a.Thế nào là từ nhiều nghĩa ?
b.Trong những từ ngữ in đậm sau đây,từ nào còn dùng nghĩa gốc?
-**già** nua, **già** nửa mét, **già** lửa; **trắng** tay, trong **trắng**, thức **trắng** đêm.
-**ăn** ở, **ăn** ảnh, **ăn** ý ; đèn **đỏ** đèn xanh, trò **đỏ** đen.

Câu 2.(1,5 điểm).

Khi miêu tả tài sắc chị em Kiều, Nguyễn Du có viết:

... “Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm

Cung thương lầu bạc ngũ âm.

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”.

- a.Khổ thơ trên viết về nhân vật nào?
b.Nội dung *hai câu thơ in đậm* nói về tài năng nổi bật gì của nhân vật?

Câu 3.(2,0 điểm).

Viết một đoạn văn ngắn(dưới 300 từ) có sử dụng phép thế,phép lặp và các cụm từ sau: *một nắng hai sương, hạt cơm thơm, đầu tắt mặt tối, ghi lòng tạc dạ.*

Câu 4.(5,0 điểm).

Cảm nhận của em về tình cha con sâu sắc và cảm động trong truyện ngắn **Chiếc lược ngà** của Nguyễn Quang Sáng. (Ngữ văn 9- Tập 1)

.....HẾT.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2011-2012

Môn thi: **NGŨ VĂN**

Ngày thi: **01.07.2011**

Thời gian: **120 phút**

Câu 1: (1 điểm)

Tim những từ láy trong đoạn trích sau:

Bà như một chiếc bóng; lặng lẽ, đi không ai biết, về không ai hay. Bà tắt bật, khi giồng sắn ở trại, khi đi bắt cua bán, lúc đi cấy thuê. Có lần bà bỏ nhà bốn năm ngày. Tôi hỏi Linh, nó rớm nước mắt. Tuấn phu đi rậm rạp bắt thuê. Trống dồn sôi cả bụng, đập thình thịch vào cái ngực bé nhỏ của tôi.

(Duy Khán, *Bà nội* (trích), Ngữ văn 9, Tập 1)

Câu 2: (2.5 điểm)

Trong bài viết *Thời gian là vàng* (Ngữ văn 9, Tập 2), tác giả Phương Liên viết: “*Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng...*”. Nhưng có đoạn tác giả viết: “*...Thời gian là tri thức...*” Theo em, viết như vậy có mâu thuẫn không? Hãy viết một bài văn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày ý kiến của mình.

Câu 3: (1.5 điểm)

Từ “*xuân*” trong trường hợp dưới đây được sử dụng với nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ? Nói rõ ý nghĩa của việc sử dụng.

a) *Ngày xuân con én đưa thoi
Thiếu quang chín chục đã ngoài sáu mươi.*

(Nguyễn Du,

Truyện Kiều)

b) “*Khi người ta đã ngoài 70 xuân thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp.*”
(Hồ Chí Minh, *Di*

chức)

Câu 4: (5 điểm)

Chính Hữu đã viết đoạn kết bài thơ *Đồng Chí*:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo*

Cảm nhận của em về những câu thơ trên.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC PHỔ THÔNG
ĐẮK LẮK**

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG

NĂM HỌC: 2011 – 2012

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời

gian giao đề

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy chỉ ra những thành phần tình thái, cảm thán trong các câu văn sau:

a/ Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.

(Trích “*Lặng lẽ Sa Pa*”-

Nguyễn Thành Long)

b/ Họa sĩ thăm nghĩ: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”.

(Trích “*Lặng lẽ Sa Pa*”-

Nguyễn Thành Long)

Câu 2. (3,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (*khoảng 200 từ*) bàn về vai trò của sách trong cuộc sống.

Câu 3. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh(chị) về hai khổ thơ sau trong bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh:

*“Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”...*

(Trích trang 70, SGK Ngữ văn 9, tập II,

NXB GD năm 2010)

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không được giải thích gì thêm.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HẢI PHÒNG**

**KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2011-2012**

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI MÔN NGỮ VĂN

*Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)
Lưu ý: Đề thi có 02 trang. Học sinh làm bài vào tờ giấy thi.*

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Chọn một chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng

Câu 1. Truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* được xây dựng xoay quanh tình huống cơ bản nào?

- A. Cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa
- B. Cuộc nói chuyện giữa người lái xe lên Sa Pa với ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ
- C. Anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn tự kể về công việc của mình
- D. Ông họa sĩ già lên Sa Pa để tìm cảm hứng sáng tác

Câu 2. Nhà văn Nguyễn Thành Long đã từng viết: "*Nghĩ cho cùng, Lặng lẽ Sa Pa là một chân dung, như tôi có nói trong đó*". Đó là bức chân dung của nhân vật nào?

- A. Ông họa sĩ
- B. Bác lái xe
- C. Cô kĩ sư
- D. Anh thanh niên

Câu 3. Ai nhận xét nhân vật anh thanh niên là "*người cô độc nhất thế gian*"?

- A. Ông họa sĩ
- B. Bác lái xe
- C. Cô kĩ sư
- D. Anh cán bộ nghiên cứu sét

Câu 4. Chủ đề chính của *Lặng lẽ Sa Pa* là gì?

- A. Trân trọng những khát khao trong sáng tạo nghệ thuật
- B. Ca ngợi quan niệm cao đẹp về hạnh phúc: hạnh phúc là phải biết hi sinh vì người khác và cống hiến hết mình cho sự nghiệp chung
- C. Ca ngợi con người lao động bình thường và ý nghĩa của những công việc thầm lặng
- D. Đề cao bản lĩnh của mỗi người khi lựa chọn hướng đi cho mình trong cuộc sống

Câu 5. Về nghệ thuật xây dựng nhân vật, phương diện nào sau đây **không** nổi bật ở *Lặng lẽ Sa Pa*?

- A. Đặt nhân vật vào tình huống tự nhiên, thú vị
- B. Miêu tả nhân vật với nhiều điểm nhìn
- C. Xây dựng đối thoại và độc thoại đặc sắc
- D. Miêu tả diễn biến tâm lí tinh tế

Câu 6. Câu văn in đậm trong đoạn văn sau có hàm ý gì?

" - Đây, tôi giới thiệu với anh một họa sĩ lão thành nhé. Và cô đây là kĩ sư nông nghiệp. Anh đưa khách về nhà đi. Tuổi già cần nước chè: ở Lào Cai đi sớm quá. Anh hãy đưa ra cái món chè pha nước mưa thơm như nước hoa của Yên Sơn nhà anh. "

- A. Trước khi đến Yên Sơn, ông họa sĩ chưa kịp uống nước chè
- B. Ông họa sĩ rất muốn uống chè pha bằng nước mưa thơm như nước hoa ở Yên Sơn
- C. Ông họa sĩ đã uống nước chè ở Lào Cai, đến Yên Sơn lại thấy nhớ
- D. Lúc ở Lào Cai, ông họa sĩ chưa có hứng uống nước chè. Giờ đây, cảnh đẹp Yên Sơn làm người nghệ sĩ bỗng có nhã thú

Câu 7. Câu văn nào dưới đây sử dụng lời dẫn trực tiếp?

- A. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ.
- B. Người con trai mừng quýnh cầm cuốn sách còn đang cười cười nhìn khắp khách đi xe bây giờ đã xuống đất tất cả.
- C. Họa sĩ nghĩ thầm: "Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn."

Câu 8. Đề văn nào sau đây **không** phải là đề văn nghị luận?

- A. Chất thơ trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.
- B. Tưởng tượng và ghi lại cuộc gặp gỡ giữa em với nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.
- C. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.
- D. Phân tích truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.

PHẦN II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1 (3 điểm). Cho đoạn thơ sau:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
 Ta say mê đứng uống ánh trăng tan?
 Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
 Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
 Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
 Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
 Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
 Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
 Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
 - Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

(Thế Lữ, *Nhớ rừng*, **Ngữ văn 8**, tập hai, NXB Giáo dục, 2005, trang 5)

- a. Chỉ ra những biện pháp tu từ chủ yếu trong đoạn thơ trên.
- b. Viết một đoạn văn (khoảng 6 đến 10 câu, theo cấu trúc tổng - phân - hợp) nêu hiệu quả của một vài biện pháp tu từ đã tìm được trong đoạn thơ trên.

Câu 2 (5 điểm)

Trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh đánh cá đêm trên biển được thể hiện trong đoạn thơ sau:

... Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng, Ra đậu dặm xa dò bụng biển, Dàn đan thế trận lưới vây giăng. Cá nhụ cá chim cùng cá đé, Cá song lấp lánh đuốc đen hồng, Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé. Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long.	Ta hát bài ca gọi cá vào, Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao. Biển cho ta cá như lòng mẹ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào. Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng, Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng. Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông, Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.
--	--

(Huy Cận, *Đoàn thuyền đánh cá*, **Ngữ văn 9**, tập một, NXB Giáo dục, 2005, trang 139,140)

----Hết----